

**DỰ TOÁN THU- CHI NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 57a /QĐ-THĐ ngày 30/6/2023)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
I	Số thu phí, lệ phí	
<b>1</b>	<b>Học phí</b>	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	59
1.2	Mức thu: 77.000đ/hs/tháng	
1.3	Tổng số thu trong năm	901
1.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	960
1.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	901
1.6	Số chi trong năm	930
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	360
	- Chi tăng cường CSVC	280
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	290
	- Chi khác	
1.7	Số dư cuối năm	30
1.8	Dự kiến mức thu ( 2 năm tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	
<b>2</b>	<b>Dạy thêm học thêm, học nghề</b>	
<b>2.1</b>	<b>Dạy thêm học thêm</b>	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	77
2.1.2	Mức thu: 7.000đ/tiết	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	3,800
2.1.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	3,877
2.1.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	3,800
2.1.6	Số chi trong năm	3,840
	Trong đó: - Chi GV giảng dạy và chủ nhiệm,CBQL	3,078
	- Chi khấu hao CSVC	420
	- Chi phúc lợi	342
	- Chi khác	



2.1.7	Số dư cuối năm	37
<b>2.2</b>	<b>Dạy Nghề</b>	
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	10
2.2.2	Mức thu: đ/ em / năm học	
2.2.3	Tổng số thu trong năm	
2.2.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	10
2.5.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	
2.2.6	Số chi trong năm	10
	Trong đó: - Chi trả GV dạy, chủ nhiệm	
	- Chi khấu hao CSVN	
	- Chi chuyên môn	
2.2.7	Số dư cuối năm	0
<b>3</b>	<b>Lệ phí nghề</b>	
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	19
3.2	Mức thu: đ/ em / năm học	
3.3	Tổng số thu trong năm	
3.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	19
3.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	
3.6	Số chi trong năm: chi chuyên môn	19
3.7	Số dư cuối năm	0
<b>4</b>	<b>Dịch vụ: trông giữ xe đạp</b>	
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	41
4.2	Mức thu: Xe đạp: 30.000đ; Xe máy, xe điện: 50.000đ/hs/ tháng	
4.3	Tổng số thu trong năm	494
4.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	535
4.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	494
4.6	Số chi trong năm	478
	Trong đó: - Chi thanh toán cá nhân	49
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi nộp thuế	49
	- Chi khấu hao CSVN	380
	- Chi phúc lợi	
4.7	Số dư cuối năm	57
<b>5</b>	<b>Tiếng anh nước ngoài</b>	


TO DỤ  
 TRƯ  
 LUNG HỌC  
 RÂN HƯ  
 4 PHỐ

5.1	Số dư năm trước chuyển sang	9
5.2	Mức thu: 35.000đ/tiết	
5.3	Tổng số thu trong năm	1 050
5.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	1 059
5.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	1 050
5.6	Số chi trong năm	1 050
	Trong đó: - Chi trả trung tâm	840
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	168
	- Chi tăng cường CSVC	28
	- Chi phúc lợi	10
	- Chi nộp thuế	4
5.7	Số dư cuối năm	9
<b>6</b>	<b>Kỹ năng sống</b>	
6.1	Số dư năm trước chuyển sang	
6.2	Mức thu: 40.000đ/tiết	
6.3	Tổng số thu trong năm	80
6.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	80
6.5	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	80
6.6	Số chi trong năm	78
	Trong đó: - Chi trả trung tâm	60
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	13
	- Chi tăng cường CSVC	2
	- Chi phúc lợi	2
	- Chi nộp thuế	1
6.7	Số dư cuối năm	2
<b>7</b>	<b>Nguồn thu hoạt động tài chính</b>	
7.1	Số dư năm trước chuyển sang	1
7.2	Tổng số thu trong năm	2
7.3	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm	3
7.4	Số nộp vào kho bạc NN/ ngân hàng	2
7.5	Số chi trong năm	3
7.6	Số dư cuối năm	
<b>8</b>	<b>Thu hộ: BHYT</b>	
8.1	Số học sinh	

VÀ  
 NG  
 HỒ TH  
 GĐA  
 A/PY

	Mức thu: K12: 510.300đ, K10,11: 680.400đ	
8.2	Tổng thu	890
8.3	Tổng chi	890
8.4	Dư	0
<b>II</b>	<b>QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	
<b>1</b>	<b>Nguồn ngân sách nhà nước</b>	
<b>1.1</b>	<b>Ngân sách chi thường xuyên</b>	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	1
	Dự toán được giao trong năm	9 124
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	9 124
	+ Dự toán giao bổ sung trong năm	
	+ Kinh phí giảm trong năm	
	Kinh phí thực nhận trong năm	9 125
	Kinh phí quyết toán	9 125
	Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0
	+ Kinh phí đã nhận	
	+ Dự toán còn dư ở kho bạc	
<b>2.1</b>	<b>Ngân sách chi không thường xuyên</b>	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	450
	Dự toán được giao trong năm	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	
	+ Dự toán giao bổ sung trong năm	
	+ Kinh phí giảm trong năm	
	Kinh phí thực nhận trong năm	450
	Kinh phí quyết toán	450
	Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	0
	+ Kinh phí đã nhận	
	+ Dự toán còn dư ở kho bạc	

Kê toán

  
Hoàng Thị Phương

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2023



Thủ trưởng đơn vị

HIỆU TRƯỞNG  
Ngô Hồng Loan

